

Số /TTr-CDGTVTTWIII

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 07 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc xin điều chỉnh một số hạng xe đào tạo và sát hạch trong định mức
(Thay thế tờ trình số: 106/TTr-CDGTVTTWIII ngày 27 tháng 5 năm 2025)

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Căn cứ: Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc hội Khóa 12, có hiệu lực từ ngày 01/07/2009; Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27/6/2024 của Quốc hội Khóa 15, có hiệu lực ngày 01/01/2025; Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe; Thông tư số 49/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ;

Xét Tờ trình số 129/T.Tr-PĐT ngày 23/5/2025 của phòng Đào tạo về việc xin điều chỉnh một số hạng xe đào tạo trong định mức; Tờ trình số 13/TTr-TTĐT&SHLX ngày 29/7/2025 của Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe về việc xin điều chỉnh hạng xe sát hạch trong định mức (Thay thế tờ trình số: 04/TTr-TTĐT&SHLX ngày 06 tháng 5 năm 2025),

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương III (GTVTTW III) báo cáo và đề nghị Bộ Xây dựng xem xét chấp thuận điều chỉnh chi tiết loại xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác đào tạo và sát hạch lái xe của Trường theo quy định mới như sau :

1. Chi tiết loại xe ô tô chuyên dùng đã được Bộ Xây dựng phê duyệt:

Căn cứ vào Công văn số 11519/BGTVT-TC ngày 23/10/2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng đào tạo, sát hạch lái xe của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương III theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ, Trường Cao đẳng GTVTTW III được tiếp tục thực hiện số lượng, tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GTVT số 1653/QĐ-BGTVT ngày 27/5/2016 và số 2035/QĐ-BGTVT ngày 13/7/2017, Tổng số là **478 xe các loại**, gồm:

a) **412 xe** phục vụ đào tạo lái xe, trong đó: 03 xe hạng B1; 325 xe hạng B2; 62 xe hạng C; 08 xe hạng B2 lên D; 07 xe hạng C lên E; 07 xe hạng C lên FC.

b) **66 xe** phục vụ sát hạch lái xe, trong đó: 45 xe sát hạch trong hình (05 xe hạng B1 số tự động: 04 xe hoạt động + 01 xe dự phòng; 24 xe hạng B1, B2 số sàn: 20 xe hoạt động + 04 xe dự phòng; 10 xe hạng C: 09 xe hoạt động + 01 xe dự phòng; 04 xe hạng D: 03 xe hoạt động + 01 xe dự phòng; 02 xe hạng E.

+ 21 xe sát hạch trên đường, trong đó: 03 xe hạng B1 số tự động (02 xe hoạt động + 01 xe dự phòng); 09 xe hạng B1, B2 số sàn (08 xe hoạt động + 01 xe dự phòng); 05 xe hạng C (04 xe hoạt động + 01 xe dự phòng); 02 xe hạng D; 02 xe hạng E.

c) Loại xe cụ thể theo hạng xe đào tạo và sát hạch trên đây thực hiện theo Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12, cụ thể:

- **Hạng B1 số tự động** cấp cho người không hành nghề lái xe để điều khiển các loại xe sau đây: Ô tô số tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, kể cả chỗ ngồi cho người lái xe; Ô tô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng số tự động có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg; Ô tô dùng cho người khuyết tật.

- **Hạng B1** cấp cho người không hành nghề lái xe để điều khiển các loại xe sau đây: Ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi, kể cả chỗ ngồi cho người lái xe; Ô tô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg; Máy kéo kéo một rơ moóc có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg.

- **Hạng B2** cấp cho người hành nghề lái xe để điều khiển các loại xe sau đây: Ô tô chuyên dùng có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg; Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1.

- **Hạng C** cấp cho người lái xe để điều khiển các loại xe sau đây: Ô tô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng, ô tô chuyên dùng có trọng tải thiết kế từ 3.500 kg trở lên; Máy kéo một rơ moóc có trọng tải thiết kế từ 3.500 kg trở lên; Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2.

- **Hạng D** cấp cho người lái xe để điều khiển các loại xe sau đây: Ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi, kể cả chỗ ngồi cho người lái xe; Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2 và C.

- **Hạng E** cấp cho người lái xe để điều khiển các loại xe sau đây: Ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi; Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C và D.

2. Đề nghị điều chỉnh loại xe ô tô chuyên dùng đã được duyệt:

a) Cơ sở đề nghị:

Từ ngày 01/01/2025 Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15; theo Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 và Nghị định số 160/NĐ-CP ngày 18/12/2024 các hạng giấy phép lái xe được quy định:

- **Hạng B** cấp cho người lái xe ô tô chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 3.500 kg; các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg;

- **Hạng C1** cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 3.500 kg đến 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B;

- **Hạng C** cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B và hạng C1.

- **Hạng D1** cấp cho người lái xe ô tô chở người trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C.

- **Hạng D2** cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1.

- **Hạng D** cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô chở người giường nằm; các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2.

Do đó, các hạng xe đã được Bộ Xây dựng duyệt tại Công văn số 11519/BGTVT-TC ngày 23/10/2024 trên đây cần điều chỉnh lại phù hợp quy định mới.

b) Nội dung đề nghị điều chỉnh:

(1) **Xe phục vụ đào tạo lái xe** (tổng số xe là **412**, không thay đổi); chỉ thay đổi cơ cấu gồm:

- Điều chỉnh 328 xe (gồm: 03 xe hạng B1 và 325 xe hạng B2) sang: 100 xe chuyển số tự động đào tạo hạng B và 228 xe chuyển số cơ khí đào tạo hạng B.

- Điều chỉnh 62 xe hạng C sang: 40 xe đào tạo hạng C1 và 22 xe ô tô đào tạo nâng hạng B, C1 lên C.

- Điều chỉnh 08 xe hạng B2 lên D sang: 04 xe đào tạo nâng hạng B, C1, C lên D1 và 04 xe đào tạo nâng hạng B, C1, C, D1 lên D2.

- Điều chỉnh 07 xe hạng C lên E sang: 07 xe đào tạo nâng hạng B, C1, C, D1, D2 lên D.

- Điều chỉnh 07 xe hạng C lên FC sang: 02 xe đào tạo nâng hạng C1 lên C1E và 05 xe đào tạo nâng hạng C lên CE.

(2) **Xe phục vụ sát hạch lái xe** (tổng số xe là **66**, không thay đổi); chỉ thay đổi cơ cấu gồm:

- Điều chỉnh 41 xe (gồm : 8 xe hạng B1 số tự động và 33 xe hạng B1, B2 số sàn) sang: 12 xe ô tô sát hạch **hạng B số tự động** và 29 xe ô tô sát hạch **hạng B số sàn**.

- Điều chỉnh 15 xe hạng C sang: 10 xe sát hạch **hạng C1** và 05 xe sát hạch **hạng C**.

- Điều chỉnh 6 xe hạng D sang: 03 xe sát hạch **hạng D1** và 03 xe sát hạch **hạng D2**.

- Điều chỉnh 4 xe hạng E sang: 04 xe sát hạch **hạng D**

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương III báo cáo và đề nghị Bộ
Xây dựng xem xét chấp thuận!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QTHC.

Q. HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Văn Tân